

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **305/2018/HNGĐ-ST**
Ngày: 07/9/2018
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Minh Nhựt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Thìn – Cán bộ hưu trí

2. Bà Huỳnh Thị Kim Kiên – Cán bộ Hội liên Hiệp phụ nữ Tp.Biên Hòa

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phan Thị Thu Thương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:*** Ông Mai Văn Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 7 tháng 9 năm 2018, tại Hội trường 06 – Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 2303/2017/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 327/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Trần Minh X**, sinh năm 1976

2. *Bị đơn:* Bà **Trần Ngọc Thảo Y**, sinh năm 1980

Địa chỉ: 84/419, Kp.01, P.Tân Mai, Tp.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

(Ông X xin vắng mặt, bà Y vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn ông Trần Minh X trình bày: Ông và bà Trần Ngọc Thảo Y tự nguyện kết hôn vào năm 1999 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND phường Tân Mai, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Trong quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do bà Y bỏ bê, không chăm lo cho gia đình. Thực tế, bà Y đã bỏ gia đình đi từ năm 2013, ông đã làm thủ tục và Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đã ra Quyết định số 28/2017/QĐVDS-ST ngày 15/8/2017 tuyên bố mất tích đối với bà Y. Nay ông xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Y.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Ngọc Thảo Lan, sinh ngày 10/6/2000 và Trần Quốc Dũng, sinh ngày 19/8/2005. Khi ly hôn ông đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Dũng không yêu cầu bà Y cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Lan đã trên 18 tuổi và có khả năng lao động nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng khi ly hôn ông X xác định là không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tuy nhiên bà Trần Ngọc Thảo Y không thực hiện các nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự, không đến Tòa án làm việc nên không có ý kiến của của bà Y về việc giải quyết vụ án.

Tòa án đã tiến hành lấy ý kiến của cháu Trần Quốc Dũng, cháu Dũng có nguyện vọng được ông X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai:

Về việc tuân thủ quy định của thẩm phán, thư ký, hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của bị đơn là không đúng quy định tại các Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về quan hệ pháp luật, tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết:

- Nguyên đơn ông Trần Minh X khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Trần Ngọc Thảo Y đối chiếu Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xác định quan hệ pháp luật của vụ án là tranh chấp ly hôn. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định ông X là nguyên đơn, bà Y là bị đơn trong vụ án.

- Ông X, bà Y có hộ khẩu thường trú và nơi cư trú cuối cùng của bà Y là tại phường Tân Mai, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ các điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

2. Về thủ tục tố tụng khác: Nguyên đơn ông X có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn bà Y đã được Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ đến tham dự phiên tòa lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, không có lý do; căn cứ khoản 01, điểm b khoản 02 Điều 227, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

3. Nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: ông X và bà Y tự nguyện kết hôn và đã được UBND phường Tân Mai, thành phố Biên Hòa cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 080 quyền số 01/1999 ngày 15/9/1999 căn cứ các điều 5,6,7,8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 xác định quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Ông X yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông ly hôn với bà Y vì ông xác định cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, bà Y không chăm lo cho gia đình. Yêu cầu của ông X là có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ thực tế từ năm 2013 đến nay bà Y đã bỏ nhà đi không về và đã bị tuyên bố mất tích bằng quyết định số 28/2017/QĐVDS-ST ngày 15/8/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa. Mục đích hôn nhân nhằm xây dựng gia đình, làm tế bào cho xã hội, để vợ chồng chăm sóc cùng nhau chung sống. Bà Y đã bỏ nhà đi từ năm 2013 cho đến nay không liên lạc được cho thấy mục đích hôn nhân không đạt được, các bên không còn thương yêu, chăm sóc lẫn nhau.

- Về con chung: Vợ chồng ông X bà Y có 02 con chung là Trần Ngọc Thảo Lan, sinh ngày 10/6/2000 và Trần Quốc Dũng, sinh ngày 19/8/2005. Khi ly hôn ông X đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Dũng không yêu cầu bà Y cấp dưỡng nuôi con. Yêu cầu này của ông Dũng phù hợp thực tế là từ khi bà Y bỏ đi thì ông X vẫn chăm lo cho cháu Dũng và phù hợp nguyện vọng của cháu Dũng nên chấp nhận. Đối với cháu Lan đã trên 18 tuổi và có khả năng lao động nên không xét.

- Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng khi ly hôn, ông X xác định là không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, do bà Y không có ý kiến nên không thể xác thực về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng, do đó các đương sự được quyền khởi kiện đối với phần này bằng một vụ án khác khi có yêu cầu.

- Về án phí: Ông X phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH;

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 68, khoản 4 Điều 147; 227, 266 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 5,6,7,8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986.

Áp dụng các điều 51, 56, 71, 81, 82, 83, khoản 01 Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Minh X đối với bị đơn bà Trần Ngọc Thảo Y về việc tranh chấp ly hôn.

Tuyên xử:

Ông Trần Minh X, sinh năm 1976 được ly hôn với bà Trần Ngọc Thảo Y, sinh năm 1980.

Về con chung: Giao con chung là Trần Quốc Dũng, sinh ngày 19/8/2005 cho ông X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà Y không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Y được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản. Trong trường hợp cần thiết một trong các bên có quyền xin thay đổi quyền trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng khi ly hôn các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

Về án phí: Ông Trần Minh X phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 003130 ngày 30/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa. Ông X đã nộp đủ án phí theo quy định.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND Tp. Biên Hòa;
- Chi cục THADS Tp. Biên Hòa
- UBND P. Tân Mai
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Minh Nhựt